

KẾ HOẠCH

ĐÀO TẠO, TIẾP NHẬN ĐỐI TƯỢNG BÁC SĨ Y KHOA ĐĂNG KÝ THỰC HÀNH KHÁM BỆNH CHỮA BỆNH TẠI TRUNG TÂM Y TẾ

I. CƠ SỞ PHÁP LÝ

Thực hiện thông tư số 21/2020/TT-BYT về việc hướng dẫn thực hành để cấp chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh đa khoa đối với bác sĩ y khoa;

Thực hiện Công văn số 3234/SYT-NVY ngày 6 tháng 9 năm 2022 của Sở Y tế Thừa Thiên Huế về việc quy định tiếp nhận đối tượng thực hành tại các cơ sở Khám Chữa bệnh;

Nhằm nâng cao năng lực thực hành chuyên môn về khám bệnh chữa bệnh cho đội ngũ bác sĩ y khoa đăng ký học thực hành để cấp chứng chỉ hành nghề khám bệnh chữa bệnh. Trung tâm Y tế huyện A Lưới xây dựng kế hoạch với một số nội dung sau:

II. MỤC TIÊU, YÊU CẦU

1. Mục tiêu:

- Thực hành thành thạo các dịch vụ kỹ thuật dành cho bác sĩ đa khoa theo quy định tại Thông tư số 35/2019/TT-BYT ngày 30 tháng 12 năm 2019 về quy định phạm vi hoạt động chuyên môn đối với người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh.

- Trong thời gian học thực hành chuyên môn phải được tập huấn về các quy định pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh, quy chế chuyên môn, đạo đức hành nghề, an toàn người bệnh, kỹ năng giao tiếp và ứng xử của người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh với thời lượng 20 buổi (mỗi buổi 4 tiết).

2. Yêu cầu:

- Người thực hành được khám bệnh, chữa bệnh trực tiếp trên người bệnh, thực hành việc kê đơn thuốc dưới sự giám sát của người hướng dẫn thực hành.

- Người thực hành phải tuyệt đối tuân thủ theo hướng dẫn của người hướng dẫn thực hành.

- Người thực hành phải bảo đảm hoàn thành đầy đủ nội dung thực hành và đảm bảo đủ thời gian thực hành theo quy định tại thông tư 21/2020/TT-BYT đối với bác sĩ y khoa.

III. NỘI DUNG THỰC HIỆN:

1. Số lượng đối tượng thực hành đơn vị tiếp nhận trong năm

- Bác sĩ y khoa: 10 người

2. Thời gian học thực hành tại các khoa:

- Thời gian thực hành CK Nội trong đó có HSCC: 05 tháng (trong đó tại khoa Nội Nhi 03 tháng và khoa HSCC: 02 tháng);
- Thời gian thực hành CK Ngoại, tại khoa Ngoại TH: 03 tháng;
- Thời gian thực hành CK Sản, tại khoa Chăm sóc SKSS: 03 tháng;
- Thời gian thực hành CK Nhi, tại khoa Nội Nhi: 04 tháng;
- Thời gian thực hành CK lẻ, Đơn vị sẽ hợp đồng với Trung tâm Y tế Thành phố Huế: 03 tháng. (Đính kèm)

3. Người tham gia hướng dẫn thực hành: Danh sách đính kèm

4. Nội dung hướng dẫn thực hành: Đính kèm

5. Số lượng DVKT đã được phê duyệt/ số DVKT đơn vị thực hiện theo từng chuyên môn: (Phụ lục đính kèm)

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Phòng KHNV

- Hằng năm xây dựng kế hoạch hướng dẫn thực hành
- Đầu mỗi tổng hợp danh sách, tiếp nhận và thụ lý hồ sơ báo cáo Sở Y tế
- Theo dõi chăm công người học thực hành tại các khoa.
- Tham mưu Giám đốc cấp giấy xác nhận thực hành sau khi người học thực hành kết thúc thời gian học thực hành.
- Giới thiệu người học thực hành với các khoa phòng và người hướng dẫn thực hành theo quyết định.
- Phối hợp phòng Điều dưỡng:
 - + Xây dựng kế hoạch tập huấn, tổ chức tập huấn các quy định pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh, quy chế chuyên môn, đạo đức hành nghề, an toàn người bệnh, kỹ năng giao tiếp và ứng xử của người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh với tổng thời lượng là 20 buổi (mỗi buổi 4 tiết).
 - + Lập danh sách người tham gia hướng dẫn thực hành.
 - + Xây dựng nội dung hướng dẫn thực hành cho người học thực hành.
- Đưa nội dung kế hoạch lên trang Wedside của đơn vị.

2. Phòng Điều dưỡng

- Phối hợp phòng KHNV:
 - + Xây dựng kế hoạch tập huấn, tổ chức tập huấn các quy định pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh, quy chế chuyên môn, đạo đức hành nghề, an toàn người bệnh, kỹ năng giao tiếp và ứng xử của người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh với tổng thời lượng là 20 buổi (mỗi buổi 4 tiết).
 - + Lập danh sách người tham gia hướng dẫn thực hành.
 - + Xây dựng nội dung hướng dẫn thực hành cho người học thực hành.

3. Người hướng dẫn thực hành:

- Hướng dẫn thực hành khám bệnh, chữa bệnh cho người học thực hành khi được phân công.

- Chịu trách nhiệm chuyên môn trong thời gian hướng dẫn thực hành cho đối tượng đang học thực hành.

- Theo dõi, chấm công người học thực hành khi được phân công.

- Nhận xét quá trình thực hành của người thực hành theo từng nội dung quy định ngay sau khi người thực hành hoàn thành từng nội dung thực hành. Người hướng dẫn thực hành hướng dẫn chuyên khoa nào thì phải nhận xét theo chuyên khoa đó./.

Nơi nhận:

- Sở y tế
- Lưu VT, KHNV

GIÁM ĐỐC

Hồ Bách Thắng

DANH SÁCH NGƯỜI HƯỚNG DẪN THỰC HÀNH

STT	Họ và tên	Số chứng chỉ hành nghề	Ngày cấp	Phạm vi hoạt động chuyên môn	Khoa công tác
1	Hồ Bách Thắng	000186/TTH -CCHN	01/08/2012	Khám bệnh, chữa bệnh hệ Ngoại sản	GD; Khoa Ngoại
2	Lê Đức Quý	000166/TTH -CCHN	29/06/2012	Khám bệnh, chữa bệnh hệ Nội nhi	PGD; Khoa Nội Nhi
3	Trần Văn Dân	000325/TTH -CCHN	15/09/2012	Khám bệnh, chữa bệnh hệ Nội nhi	P.KHNV; Khoa Nội Nhi
4	Phạm Thị Tuyết Minh	002599/TTH -CCHN	07/06/2017	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa	P.KHNV; Khoa KB- HSCC
		302/QĐ-SYT		Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Phong, da liễu	
6	Trần Anh Quyết	0002499/TT H-CCHN	29/05/2015	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa	Khoa KB- HSCC
		208/QĐ-SYT		Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Gây mê hồi sức	
8	Nguyễn Thị Hoài Phượng	000375/TTH -CCHN	15/09/2012	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa	Khoa KB- HSCC
		210/QĐ-SYT		Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Mắt	
		628/QĐ-SYT		Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Răng hàm mặt	
11	Nguyễn Ngọc Hùng	003154/TTH -CCHN	19/07/2016	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa	Khoa KB- HSCC
		367/QĐ-SYT		Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Tai-Mũi-Họng	
13	Lê Thị Liên	003709/TTH -CCHN	20/09/2017	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa	Khoa Nội Nhi

14	Lê Thị Ánh Tuyết	003846/TTH -CCHN	30/11/2017	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa	Khoa KB- HSCC
15	Hồ Văn Tun	0002498/TT H- CCHN	29/05/2015	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa	Khoa KB- HSCC
16	Kê Quốc Hội	0002542/TT H-CCHN	08/07/2015	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa	Khoa KB- HSCC
17	Nguyễn Thị Thu Hiền	000326/TTH -CCHN	15/09/2012	Khám bệnh, chữa bệnh hệ Nội Nhi	Khoa Truyền Nhiễm
18	Đặng Hà	0002551/TT H-CCHN	08/07/2015	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa	Khoa Truyền Nhiễm
19	Hồ Thanh Lệ	0002395/TT H-CCHN	27/04/2015	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa	Khoa Nội Nhi
		348/QĐ-SYT		Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội khoa	
21	Lê Thị Thu Hà	004171/TTH -CCHN	31/08/2018	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa	Khoa Nội Nhi
22	Hồ Thị Linh Khương	0003624/TT H-CCHN	16/09/2012	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa	Khoa Nội Nhi
23	Trần Thuấn	000188/TTH -CCHN	01/08/2012	Khám bệnh, chữa bệnh hệ Nội nhi, CK RHM	Khoa Ngoại
24	Lê Văn Khay	0001906/TT H-CCHN	11/07/2014	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa	Khoa Ngoại
		377/QĐ-SYT		Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Ngoại	
26	Trần Thị Phan	000374/TTH -CCHN	15/09/2012	Khám bệnh, chữa bệnh hệ Ngoại sản	Khoa CSSKSS
27	Nguyễn Thị Hằng	000834/TTH -CCHN	08/07/2015	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa	Khoa CSSKSS
		28/QĐ-SYT		Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Sản phụ khoa	
29	Hồ Thị Danh	0003101/QB -CCHN	31/12/2015	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa	Khoa CSSKSS

		880/QĐ-SYT		Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Sản phụ khoa	
--	--	------------	--	-----------------------------------------------	--

Danh sách gồm: 29 người

Phụ lục

Dịch vụ kỹ thuật Trung tâm y tế A Lưới đã thực hiện theo chuyên môn

Stt	Dịch vụ kỹ thuật bác sỹ y khoa thực hiện	Ghi chú
1	Hồi phục nhịp xoang cho người bệnh loạn nhịp bằng thuốc	
2	Dùng thuốc chống đông	
3	Hồi sức chống sốc ≤ 8 giờ	
4	Đặt canuyn mũi hầu, miệng hầu	
5	Hút đờm qua ống nội khí quản/canuyn mở khí quản bằng ống thông một lần ở người bệnh không thở máy (một lần hút)	
6	Hút đờm qua ống nội khí quản/canuyn mở khí quản bằng ống thông một lần ở người bệnh có thở máy (một lần hút)	
7	Hút đờm qua ống nội khí quản/canuyn mở khí quản bằng ống thông kín (có thở máy) (một lần hút)	
8	Đặt ống nội khí quản	
9	Đặt mặt nạ thanh quản cấp cứu	
10	Cấp cứu ngừng tuần hoàn hô hấp cơ bản	
11	Cấp cứu ngừng tuần hoàn hô hấp nâng cao	
12	Chọc dịch tuỷ sống	
13	Chọc dò ổ bụng cấp cứu	
14	Dẫn lưu dịch ổ bụng cấp cứu ≤ 8 giờ	
15	Dùng thuốc kháng độc điều trị giải độc	
16	Chọc dò dịch màng phổi	
17	Chọc tháo dịch màng phổi	
18	Hồi phục nhịp xoang cho người bệnh loạn nhịp bằng thuốc	
19	Chọc dò dịch não tuỷ	
20	Hút đờm hầu họng	
21	Chọc tháo dịch ổ bụng điều trị	
22	Hút ổ viêm/ áp xe phân mềm	
23	Đặt ống nội khí quản	

24	Hỗ trợ hô hấp xâm nhập qua nội khí quản	
25	Đặt mặt nạ thanh quản cấp cứu	
26	Cấp cứu ngừng tuần hoàn hô hấp	
27	Hồi sức chống sốc	
28	Xử trí tăng áp lực nội sọ	
29	Chọc dịch tuỷ sống	
30	Chọc dò ổ bụng cấp cứu	
31	Cắt bỏ chấp có bọc	
32	Xử lý vết thương phần mềm, tổn thương nông vùng mắt	
33	Cấp cứu bỏng mắt ban đầu	
34	Cắt lợi trùm răng khôn hàm dưới	
35	Chọc thăm dò u, nang vùng hàm mặt	
36	Khâu vành tai rách sau chấn thương	
37	Khâu vết thương phần mềm vùng đầu cổ	
38	Khâu rách cùng đồ âm đạo	
39	Chọc dịch màng bụng	
40	Dẫn lưu dịch màng bụng	
41	Chọc hút áp xe thành bụng	
42	Chọc dịch khớp	
43	Cắt u da đầu lành, đường kính dưới 5 cm	
44	Bóc, cắt u bã đậu, u mỡ dưới da đầu đường kính dưới 10 cm	
45	Cắt u mỡ, u bã đậu vùng hàm mặt đường kính dưới 5 cm	
46	Cắt u xơ vùng hàm mặt đường kính dưới 3 cm	
47	Cắt lọc, khâu vết thương rách da đầu	
48	Dẫn lưu nước tiểu bàng quang	
49	Cắt lọc tổ chức hoại tử hoặc cắt lọc vết thương đơn giản	
50	Khâu vết thương phần mềm dài trên 10cm	
51	Khâu vết thương phần mềm dài dưới 10cm	
52	Cắt lọc tổ chức hoại tử	
53	Xử trí trạng thái kích động	
54	Xử trí trạng thái bồn chồn bất an do thuốc hướng thần	
55	Cấp cứu tự sát	

56	Xử trí hạ huyết áp tư thế	
57	Xử trí ngộ độc thuốc hướng thần	
58	Xử trí dị ứng thuốc hướng thần	
59	Cấp cứu cao huyết áp	
60	Cấp cứu ngừng thở	
61	Cấp cứu ngừng tim	
62	Cấp cứu tụt huyết áp	
63	Chọc tuỷ sống đường giữa	
64	Đặt nội khí quản khi dạ dày đầy	
65	Hồi sức các phẫu thuật áp xe vùng đầu mặt cổ	
66	Hồi sức phẫu thuật bảo tồn	
67	Hồi sức phẫu thuật bệnh nhân viêm phúc mạc ruột thừa	
68	Hồi sức phẫu thuật cắt bao da qui đầu do dính hoặc dài	
69	Hồi sức phẫu thuật cắt ruột thừa đơn thuần	
70	Hồi sức phẫu thuật cắt ruột thừa, dẫn lưu ổ apxe	
71	Hồi sức phẫu thuật cắt ruột thừa, lau rửa ổ bụng	
72	Hồi sức phẫu thuật cắt thừa ngón đơn thuần	
73	Hồi sức phẫu thuật điều trị vết thương ngón tay bằng các vật da lân cận	
74	Hồi sức phẫu thuật điều trị vết thương ngón tay bằng các vật da tại chỗ	
75	Hồi sức phẫu thuật gãy xương đốt bàn ngón tay	
76	Hồi sức phẫu thuật loại 3	
77	Hồi sức phẫu thuật mở rộng lỗ sáo	
78	Dẫn lưu áp xe ruột thừa	
79	Khâu vết thương thành bụng	
80	Cắt bỏ hoại tử toàn lớp bì sâu dưới 1% diện tích cơ thể ở trẻ em	
81	Xử lý tại chỗ ki đầu tổn thương bì	
82	Chẩn đoán và điều trị sốc bì	
83	Cắt các loại u vùng da đầu, cổ có đường kính dưới 5cm	
84	Cắt các u lành vùng cổ	
85	Cắt u mỡ, u bã đậu vùng hàm mặt đường kính dưới 5cm	
86	Đặt nội khí quản cấp cứu sơ sinh + thở máy	
87	Xử lý vết thương phần mềm, tổn thương nông vùng mắt	

88	Cắt bỏ vành tai thừa	
89	Khâu vết rách vành tai	
90	Chọc hút dịch vành tai	
91	Khâu phục hồi tổn thương đơn giản miệng, họng	
92	Đặt nội khí quản	
93	Khâu vết thương đơn giản vùng đầu, mặt, cổ	
94	Cắt lọc - khâu vết thương da đầu mang tóc	
95	Cắt lọc - khâu vết thương vùng trán	
96	Xử lý vết thương phần mềm nông vùng mi mắt	
97	Khâu vết thương vùng môi	
98	Cắt lọc tổ chức hoại tử hoặc cắt lọc vết thương đơn giản	

- Số DVKT Bác sĩ y khoa đã thực hiện: 98/156 (còn 58 DVKT chưa thực hiện vì: chưa có bệnh nhân để triển khai)